

# LUẬN DU GIÀ SƯ ĐỊA

## QUYỂN 38

Phần Bản địa.

Địa thứ 15: Địa Bồ tát.

**Đoạn 1: Trì xứ Du già. Phẩm 7: Bồ đề.**

Thế nào là Bồ đề? Nghĩa là lược nói về hai đoạn hai trí, đó gọi là Bồ đề. Hai đoạn là:

- Đoạn Phiền não chướng.
- Đoạn Sở tri chướng.

Hai trí là:

- Trí do Phiền não chướng đã đoạn trừ nên lìa hoàn toàn mọi cấu uế, tất cả phiền não không còn tùy thuận trời buộc.

- Trí do Sở tri chướng đã đoạn trừ, nên đối với tất cả sở tri (đối tượng nhận thức) không còn chướng ngại.

Lại có môn khác: Nghĩa là Trí thanh tịnh, Trí Nhất thiết, Trí không vướng mắc.

Tất cả phiền não cùng các tập khí đều vĩnh viễn dứt trừ không sót, hiện bày khắp hết thấy chủng loại không nhiễm, vô minh vĩnh viễn đoạn trừ trọn vẹn, đó gọi là Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Hết thấy phiền não cùng các tập khí được đoạn trừ rất ráo, gọi là Trí thanh tịnh. Đối với tất cả cảnh giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời, trí chuyển biến không bị ngăn ngại, gọi là Trí Nhất thiết. Cảnh giới có hai loại:

- Thế giới.
- Hữu tình giới.

Sự có hai loại:

- Hữu vi.
- Vô vi.

Hai sự hữu vi, vô vi này, với vô lượng phẩm riêng, gọi là tất cả phẩm. Nghĩa là tự tướng lẫn lượt với chủng loại sai biệt, cộng tướng sai biệt, nhân quả sai biệt, Giới (cõi), thú (nẻo) sai biệt, thiện bất thiện vô ký sai biệt.

Thời có ba thứ: Quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tức đối với tất cả Giới, tất cả sự, tất cả phẩm, tất cả thời như thế đều nhận biết đúng như thật, gọi là Trí Nhất thiết.

Trí không vướng mắc: Là khi vừa tác ý thì trí chuyển khắp nơi tất không ngại, mau chóng không vướng mắc. Không do thường thường tác ý tư duy, dựa nơi một tác ý mà nhận biết rõ khắp.

Lại có môn khác: Nghĩa là 140 pháp bất cộng của Phật cùng trí vô tránh ngại vô ngại giải của Như-lai. Đó gọi là Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

140 pháp bất cộng của Phật là:

- 32 tướng đại tượng phu.
- 80 tướng tùy hảo.
- Bốn nhất thiết chủng thanh tịnh.
- 10 lực.
- Bốn vô sở úy.
- Ba niêm trụ.
- Ba bất hộ.
- Đại bi.
- Pháp không quên mất.
- Dứt trừ hết hẳn tập khí.
- Trí Nhất thiết chủng diêu.

Trong phẩm kiến lập pháp của chư Phật sẽ phân biệt rộng.

Bồ đề như vậy gọi là tối thắng, cùng tương ưng với bảy thứ tối thắng. Do nhân duyên ấy nên đối với các Bồ đề là thù thắng tột bậc. Những gì gọi là bảy thứ tối thắng? Đó là:

1. Đối tượng nương dựa tối thắng.
2. Chánh hạnh tối thắng.
3. Viên mãn tối thắng.
4. Trí tối thắng.
5. Uy lực tối thắng.
6. Đoạn trừ tối thắng.
7. Trụ tối thắng.

Do các Đức Như Lai dùng 32 tướng đại tượng phu trang nghiêm nơi thân nên gọi là đối tượng nương dựa (sở y) tối thắng.

Do các Đức Như-lai với tự lợi lợi tha, tạo lợi ích an lạc cho vô lượng chúng sanh, thương xót thế gian, khiến chư Thiên, loài người đạt được nghĩa lợi, lợi ích an lạc, mà hành chánh hạnh, nên gọi là chánh hạnh tối thắng.

Do các Đức Như-lai với bốn thứ viên mãn vô thượng, không gì sánh:

- Giới viên mãn.
- Kiến viên mãn.
- Quy tắc viên mãn.
- Tịnh mạng viên mãn.

thấy đều thành tựu, nên gọi là Viên mãn tối thắng.

Vì các Đức Như-lai với bốn vô ngại giải không gì hơn, không gì sánh là:

- Pháp vô ngại giải.
- Nghĩa vô ngại giải.
- Huấn từ vô ngại giải.
- Biện thuyết vô ngại giải.

thấy đều thành tựu, nên gọi là Trí tối thắng.

Vì các Đức Như-lai như trước đã nói về sáu thứ thần thông không gì hơn, không gì sánh, thấy đều thành tựu, nên gọi là Uy lực tối thắng.

Do các Đức Như-lai không gì hơn, không gì sánh, tất cả phiền não tập khí vĩnh viễn đoạn trừ, cùng hết thấy sở tri chướng cũng đoạn trừ rất ráo... thấy đều thành tựu, nên gọi là Đoạn trừ tối thắng.

Do các Đức Như-lai trụ nhiều nơi ba trụ không gì hơn, không gì sánh là:

- Thánh trụ.
- Thiên trụ.
- Phạm trụ.

nên gọi là Trụ tối thắng.

Ở đây nên biết, trụ nơi Không, Vô nguyện, Vô tướng cùng trụ nơi định Diệt tận, đó gọi là Thánh trụ.

Bốn thứ Tĩnh lực, bốn định vô sắc, đó gọi là Thiên trụ. Bốn thứ vô lượng (Từ Bi Hỷ Xả) đó gọi là Phạm trụ.

Nơi ba trụ này, Đức Như-lai phần nhiều trụ nơi bốn trụ tối thắng. Đó là ở trong Thánh trụ phần nhiều trụ nơi Không trụ, cùng định Diệt tận trụ. Trong Thiên trụ đa phần trụ nơi Tĩnh lực thứ tư vô động. Ở trong Phạm trụ thì đa phần trụ nơi đại bi. Do vậy, Đức Như-lai, sáu thời của ngày đêm, ngày ba đêm ba luôn dùng Phật nhãn quan sát thế gian, ai

tăng ai giảm, ta nên khiến ai chưa khởi thiện căn mà trồng thiện căn, nói rộng cho đến ta nên khiến ai kiến lập quả vị A-la-hán tối thắng.

Lại, các Đức Như-lai, với đối tượng nương dựa tối thắng nên gọi là đại tướng phu. Do chánh hạnh tối thắng nên gọi là bậc Đại bi. Do viên mãn tối thắng nên gọi là bậc Đại giới và Đại pháp. Do trí tối thắng nên gọi là bậc Đại huệ. Do uy lực tối thắng nên gọi là bậc Đại thần thông. Do đoạn trừ tối thắng nên gọi là bậc Đại giải thoát. Do trụ tối thắng nên gọi là bậc Đa an trụ, quảng đại trụ.

Lại, các Đức Như-lai lược có mười thứ danh hiệu công đức, tùy niệm công đức. Những gì là mười? Đó là: Bạc Già Phạm hiệu là Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh viên mãn, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Tướng Phu, Điều Ngự Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật, Bạc-già-phạm.

Ngôn thuyết không hư vọng nên gọi là Như-lai. Đã đạt được nghĩa của tất cả chỗ nên được, nên làm phước điền vô thượng của thế gian, nên được tất cả cung kính cúng dường, do đó gọi là Ứng. Như nơi thắng nghĩa giác ngộ các pháp nên gọi là Chánh Đẳng Giác.

Minh nghĩa là ba minh. Hạnh như kinh nói, hai phẩm Chỉ, Quán đều viên mãn cực thiện, do đó gọi là Minh Hạnh viên mãn.

Trên, lên đến chỗ tối cực, vĩnh viễn không thối chuyển nên gọi là Thiện Thệ. Khéo nhận biết về thế giới cũng hữu tình giới, với tất cả phẩm loại tướng nhiễm tịnh, nên gọi là Thế Gian Giải. Hết thấy thế gian chỉ một tướng phu, khéo nhận biết về phương tiện điều phục tâm tối thắng, nên gọi là Vô Thượng Tướng Phu, Điều Ngự Sĩ. Là mất thật, nên là trí thật. Là nghĩa thật, nên là pháp thật. Cùng với nghĩa hiển bày rõ là mở ra, dẫn dắt. Cùng với tất cả nghĩa là chỗ dựa. Cùng với không liễu nghĩa là chủ thể liễu nghĩa. Cùng với chỗ sanh nghi là chủ thể đoạn trừ. Cùng với xứ thâm diệu là chủ thể hiển hiện, khiến cho sáng, sạch. Cùng với tất cả pháp là cội gốc. Vì mở ra, dẫn dắt nên là chỗ dựa. Có thể chính thức dạy khuyên trao bảo cho hàng Trời, Người, khiến họ xuất ly tất cả các khổ, vì thế nói Phật là Thiên Nhân Sư. Đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ nghĩa lợi, đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ phi nghĩa lợi, đối với khả năng thâm dẫn pháp tụ phi phi nghĩa lợi, hiện tiền cùng giác ngộ khắp tất cả chủng loại, nên gọi là Phật. Có thể phá trừ quân chúng sức lớn của các ma, gồm đủ nhiều công đức, nên gọi là Bạc-già-phạm.

Hoặc có khi nhiều kiếp không có một vị Phật xuất hiện ở đời. Hoặc có khi trong một kiếp có nhiều Đức Phật xuất hiện nơi thế gian.

Trong mười phương với vô lượng vô số các thế giới kia, nên biết đồng thời có vô lượng Phật xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì nơi mười phương cõi hiện có vô lượng vô số Bồ tát đồng thời phát nguyện, đồng siêng năng tu tập tư lương Bồ đề. Hoặc một Bồ tát, nơi ngày như thế, nơi phần như thế, nơi tháng như thế, nơi năm như thế, phát tâm Bồ đề, nguyện hưởng tới Bồ đề. Tức nơi ngày ấy, tức nơi phần ấy, tức nơi tháng ấy, tức nơi năm ấy, tất cả cũng vậy. Như một Bồ tát dũng mãnh thúc đẩy, tinh tấn sáng rõ, thì tất cả cũng vậy. Nơi nay hiện thấy trong thế giới này, có nhiều trăm Bồ tát đồng thời phát nguyện, đồng tu huệ thí, đồng tu tịnh giới, đồng tu nhẫn nhục, đồng tu tinh tấn, đồng tu tĩnh lực, đồng tu trí huệ, huống hồ là nơi vô lượng vô biên thế giới của chư Phật trong mười phương.

Lại, nơi mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên cõi Phật, không có hai Bồ tát đồng thời tu tập tư lương Bồ đề, cùng thời viên mãn, nơi một cõi Phật cùng xuất hiện ở đời, một lúc thành Phật, huống hồ là có vô lượng vô số Bồ tát, nơi một thế giới, một lúc thành Phật.

Lại, không nên nói rất nhiều Bồ tát đồng thời tu tập tư lương Bồ đề, cùng thời viên mãn, trước sau cùng tránh nhau, thứ lớp thành Phật. Cũng không nên nói tất cả Bồ tát đều không thành Phật. Vì thế nên biết, nhiều chúng Bồ tát đồng thời tu tập tư lương Bồ đề, cùng viên mãn nơi mười phương với vô lượng vô số quốc độ của chư Phật, theo chỗ tịnh không, không có Như-lai, đều riêng xuất hiện ở đời đồng thời thành Phật. Do đạo lý ấy nên trong nhiều thế giới, quyết định nên có rất nhiều Bồ tát đồng thời thành Phật, quyết định không có trong một cõi Phật có hai Đức Như-lai cùng lúc xuất hiện ở đời. Vì sao? Vì Bồ tát trong đêm dài sanh tử khởi nguyện như thế theo đấy khiến tăng trưởng: “Ta sẽ riêng một mình ở trong các thế giới không có người đứng đầu dẫn dắt, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khỏi các khổ, khiến họ đạt đến Niết bàn”.

Như vậy là từ nơi đêm dài sanh tử phát khởi đại nguyện theo đấy khiến được tăng trưởng, thâm nhận chánh hạnh, thành tựu viên mãn, nên không có hai Đức Như-lai nơi một thế giới cùng thời xuất hiện.

Lại, một Đức Như-lai nơi một Tam thiên đại thiên cõi Phật có thể hành tác khắp hết thủy Phật sự, do đó Đức Như-lai thứ hai xuất hiện ở đời là không có lợi ích.

Lại, một Đức Như-lai nơi một cõi Phật xuất hiện ở đời khiến các hữu tình thành tựu đầy đủ về tự nghĩa hết sức là sáng thạnh, rất là tùy

thuận. Vì sao? Vì các hữu tình kia suy nghĩ: Tất cả thế gian chỉ có một Đức Như-lai, lại không có vị thứ hai. Nếu ở nơi cõi này, sự việc giáo hóa đã xong, hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập diệt độ, vậy chúng ta sẽ theo ai để tu phạm hạnh? Chúng ta sẽ theo ai để lãnh hội Chánh pháp? Suy nghĩ như vậy rồi liền phát khởi sự mong muốn sâu dày, siêng năng tinh tấn, mau chóng tu tập phạm hạnh, mau chóng lãnh hội Chánh pháp. Nếu một cõi Phật có nhiều Đức Phật xuất hiện ở đời, thì những hành tác của các hữu tình kia không thể mau chóng. Còn trong một cõi Phật, một Đức Phật xuất hiện ở đời, khiến các hữu tình thành tựu đầy đủ về tự nghĩa rất là sáng thịnh, rất là thuận hợp.

Hết thấy Như-lai với tất cả công đức bình đẳng, bình đẳng không có sai biệt, chỉ trừ bốn pháp. Đó là:

1. Thọ lượng.
2. Danh hiệu.
3. Tộc họ.
4. Thân tướng.

Tất cả Như-lai đối với bốn pháp này có tướng tăng giảm, chẳng phải là công đức khác. Lại, chẳng phải là thân nữ có thể chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng. Vì sao? Vì các Bồ tát vào lúc vượt qua vô số kiếp thứ nhất, đã xả bỏ thân nữ, cho đến khi an tọa nơi tòa Bồ đề vi diệu, từng không là nữ, không là tánh nhiều phiền não, tánh nhiều ác huệ của hết hảy nơi chốn sanh khởi, không phải là các bấp tánh nơi thân nhiều phiền não, nơi thân nhiều ác huệ có thể chứng đắc Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng.

Như vậy, Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, như nói về tự tánh nên nhận biết đúng như thật. Như nói về tối thắng, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về mười thứ danh hiệu công đức, tùy niệm công đức, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về sự xuất hiện, nên nhận biết đúng như thật. Như nói về chỗ sai biệt nên nhận biết đúng như thật.

Lại, Bồ đề này là không thể nghĩ bàn, vượt quá tất cả nẻo tâm tư, là sự tập thành của vô lượng vô biên công đức, là vô thượng, sanh khởi tạo thành các công đức của tất cả Thanh văn, Độc giác và Như-lai. Do đấy, chỉ Phật là chứng đắc Bồ đề tối thượng tối tôn tối diệu tối thắng.

### Đoạn 1: Trì Xứ Du Già.

#### Phẩm 8: Lực Chủng Tánh.

Đã nói về xứ nên học của Bồ tát, như vậy nên học nay sẽ nói. Tụng nêu:

*Thắng giải, cầu pháp nhiều  
Thuyết pháp, tu pháp hành  
Giáo thọ giáo giúoi đúng  
Phương tiện thâu ba nghiệp.*

Nếu các Bồ tát muốn ở nơi chốn nên học của Bồ tát siêng năng tinh tấn tu học, thì đầu tiên định rõ nên có đủ nhiều thắng giải. Nên cầu Chánh pháp, nên giảng nói Chánh pháp, nên tu hành đúng về pháp tùy pháp hành, nên chỉ dạy trao truyền đúng, nên khuyên răn dẫn dạy đúng, nên trụ nơi phương tiện dạy trao khuyên dẫn thuận hợp, thâu tóm ba nghiệp thân ngữ ý.

Thế nào là Bồ tát có đủ nhiều thắng giải? Nghĩa là các Bồ tát đối với chỗ dựa của tám thứ thắng giải kia, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích.

1. Đối với chỗ dựa của thắng giải về công đức của Tam bảo, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với công đức chân thật của Phật Pháp Tăng, có đủ nhiều thắng giải.

2. Đối với chỗ dựa của thắng giải về uy lực của chư Phật, Bồ tát. Trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với uy lực như trước đã nói, có đủ nhiều thắng giải.

3. Đối với chỗ dựa của thắng giải về nghĩa chân thật, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Tức là nơi nghĩa chân thật đã nói ở trước, có đủ nhiều thắng giải.

4. Đối với chỗ dựa của thắng giải về nhân duyên, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là, đối với vô số thứ như ứng hợp thuộc về nhân không điên đảo, có đủ nhiều thắng giải.

5. Đối với chỗ dựa của thắng giải về quả, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với vô số thứ như ứng hợp thuộc về quả không điên đảo, có đủ nhiều thắng giải.

6. Đối với chỗ dựa của thắng giải về nghĩa nên đạt được, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với nghĩa nên đạt được của đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng, mình có thể gánh vác, quyết định sẽ có thể đạt được, có đủ nhiều thắng giải.

7. Đối với chỗ dựa của thắng giải về phương tiện chứng đắc, trước tiên là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Tức là đối với phương tiện của tất cả Bồ tát học đạo có thể đạt được, có phương tiện này mới đạt được nghĩa nên chứng đắc, có đủ nhiều thắng giải.

8. Đối với chỗ dựa của thắng giải về ngôn thiện, ngữ thiện, thuyết

thiện, trước hết là thành tựu đầy đủ tịnh tín, quyết định vui thích. Nghĩa là đối với các pháp nơi Khế kinh, ứng dụng kỹ biệt v.v... có đủ nhiều thắng giải.

Đối với tám thứ chỗ dựa của thắng giải này, nên biết là Bồ tát do hai nhân duyên nên có đủ nhiều thắng giải:

1. Tu tập nhiều về thắng giải.
2. Chứa nhóm nhân mãn liệt.

Các Bồ tát kia khi cầu Chánh pháp nên cầu ở chỗ nào, vì sao mà cầu, do nghĩa nào nên cầu. Tức các Bồ tát, nói tóm tắt, nên cầu tất cả pháp nơi tạng Bồ tát, tạng Thanh văn, hết thấy ngoại luận, hết thấy luận Công nghiệp xứ của thế gian. Nên biết đối với mười hai phần giáo kia, một phần Phương quảng chính là tạng Bồ tát, các phần còn lại có tạng Thanh văn.

Hết thấy ngoại luận lược có ba loại:

- Nhân luận.
- Thanh luận.
- Phương luận.

Hết thấy luận Công nghiệp xứ của thế gian, chẳng phải là một mà là rất nhiều với vô số phẩm loại. Nghĩa là Trí xứ công nghiệp như các nghề về vàng, sắt, mạ ni v.v... Tất cả thuộc về Minh xứ như vậy có năm minh xứ:

1. Nội minh xứ.
2. Nhân minh xứ.
3. Thanh minh xứ.
4. Y phương minh xứ.
5. Công nghiệp minh xứ.

Bồ tát đối với năm thứ Minh xứ này, nếu siêng năng cầu đúng, tức gọi là siêng năng cầu hết thấy minh xứ.

Ngôn ngữ của chư Phật gọi là luận Nội minh, ở đây có bao nhiêu tướng chuyển? Như thế cho đến tất cả công xảo nghiệp xứ của thế gian gọi là luận Công nghiệp minh, ở đây có bao nhiêu tướng chuyển? Nghĩa là luận Nội minh lược có hai tướng chuyển:

1. Tướng hiển thị nhân quả chính.
2. Tướng hiển thị đã làm không mất, chưa làm chẳng được.

Luận Nhân minh cũng có hai tướng chuyển:

1. Tướng hiển thị việc hàng phục luận của kẻ khác thắng lợi.
2. Tướng hiển thị việc thắng lợi do loại trừ luận của kẻ khác.

Luận Thanh Minh cũng có hai tướng chuyển:

1. Tướng hiển thị việc an lập Giới, tướng hiển thị có thể thành lập.
2. Tướng hiển thị về thắng lợi của công xảo nơi Ngũ.

Luận Y phương minh có bốn thứ tướng chuyển:

1. Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo nơi thể của bệnh.
2. Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo của nhân bệnh.
3. Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo của bệnh đã sanh.

4. Tướng hiển thị về chỗ thiện xảo của bệnh đã dứt sẽ không sanh trở lại.

Luận Công nghiệp minh của tất cả thế gian hiển thị đều riêng biệt, tức chỗ tạo tác của công xảo nghiệp xứ đã thành tựu đầy đủ vô số tướng khác.

Thế nào là tướng hiển thị nhân quả của luận Nội minh? Nghĩa là có mười thứ nhân, nên biết là đã kiến lập nhân không điên đảo, đầu tóm tắt cả nhân, hoặc là tạp nhiễm, hoặc là thanh tịnh, hoặc là pháp vô ký chuyển, như các sự việc gieo cấy gặt hái ở thế gian.

Những gì là mười nhân? Đó là:

1. Nhân Tùy thuyết.
2. Nhân Quán đãi.
3. Nhân Khiên dẫn.
4. Nhân Nhiếp thọ.
5. Nhân Sanh khởi.
6. Nhân Dẫn phát.
7. Nhân Định biệt.
8. Nhân Đồng sự.
9. Nhân Tương vi.
10. Nhân Bất tương vi.

Nghĩa là tên gọi của tất cả pháp là trước tiên nêu tướng. Tướng là trước hết nên ngôn thuyết. Đó gọi là nhân Tùy thuyết của các pháp kia. Quán đối nơi ấy nên nơi ấy là nhân. Ở các sự việc kia hoặc cầu đạt hoặc giữ lấy thì đây gọi là nhân Quán đãi kia. Như quán đối về tay, tay làm nhân nên có nghiệp nắm giữ. Quán đối về chân, chân là nhân nên có nghiệp tới lui. Quán đối về đốt xương, đốt xương là nhân nên có nghiệp co duỗi. Quán đối về đói khát, đói khát là nhân nên đối với các thức ăn uống hoặc cầu đạt hoặc giữ lấy. Tùy theo vô lượng đạo lý như vậy tức nên nhận biết rõ về tướng của nhân Quán đãi.

Tất cả chủng tử đối chiếu với tự quả sanh sau, gọi là nhân Khiên dẫn. Trừ chủng tử ra, thì các duyên còn lại gọi là nhân Nhiếp thọ. Tức các chủng tử đối chiếu với tự quả ban đầu, gọi là nhân Sanh khởi. Tức

chỗ sanh khởi quả của chủng tử ban đầu đối chiếu với chỗ dẫn dắt quả của chủng tử sau, gọi là nhân Dẫn phát. Vô số loại khác nhau đều có nhân duyên riêng, gọi là nhân Định biệt. Hoặc nhân Quán đãi, hoặc nhân Khiên dẫn, hoặc nhân Nhiếp thọ, hoặc nhân Sanh khởi, hoặc nhân Dẫn phát, hoặc nhân Định biệt, các nhân như thế thâu tóm chung làm một, gọi là nhân Đồng sự. Đối với pháp được sanh ra, là nhân có thể làm chướng ngại, gọi là nhân Tương vi. Nhân chướng ngại này hoặc thiếu, hoặc lia, gọi là nhân Bất tương vi.

Nên biết Tương vi lược có sáu thứ:

1. Tương vi về ngữ ngôn: Nghĩa là có một loại hữu tình hoặc các Sa-môn hoặc các Bà-la-môn tạo ra các luận trước sau mâu thuẫn.

2. Tương vi về đạo lý: Tức chỗ thành lập các nghĩa của đối tượng được nhận thức, kiến lập tỷ lượng không cùng tương ứng với đạo lý chứng thành.

3. Tương vi về sanh khởi: Tức chủ thể sanh của pháp được sanh duyên thiếu, chướng ngại sanh duyên hợp.

4. Tương vi về đồng xứ: Nghĩa là các pháp như sáng tối, tham sân, khổ vui v.v...

5. Tương vi về oán địch: Tức các loài như rắn độc, chuột, chó sói, mèo, chồn, chuột nhắt cùng làm bạn xấu với oán địch.

6. Tương vi về chướng trị: Nghĩa là tu bất tịnh đối trị các tham dục, tu Từ đối trị sân, tu Bi đối trị hại, tu Bấy giác chi, Tám Thánh đạo chi đối trị tất cả phiền não thuộc ba cõi.

Ở trong nghĩa này, ý chính chỉ giữ lấy tương vi về sanh khởi.

Hết thấy nhân này được gồm thâu vào hai nhân:

1. Nhân Năng sanh.
2. Nhân Phương tiện.

Nên biết ở đây, chủng tử dẫn dắt, chủng tử sanh khởi gọi là nhân Năng sanh, các nhân còn lại gọi là nhân Phương tiện.

Lại có bốn duyên:

1. Nhân duyên.
2. Đẳng vô gián duyên.
3. Sở duyên duyên.
4. Tăng thượng duyên.

Trong ấy nên biết, nếu là nhân Năng sanh thì đó gọi là Nhân duyên. Nếu là nhân Phương tiện tức là Tăng thượng duyên. Đẳng vô gián duyên cùng Sở duyên duyên chỉ đối chiếu với tất cả tâm, tâm pháp mà nói. Do tất cả tâm kia cùng với tâm pháp sanh trước mở bày dẫn

đường thâm nhận, nên cảnh giới của đối tượng duyên được thâm nhận mới sanh mới chuyển. Vì thế nên biết Đẳng vô gián duyên cùng Sở duyên duyên thuộc về nhân Nhiếp thọ.

Mười nhân như vậy, làm thế nào có thể khiến cho vô số sự của tất cả thế gian chuyển? Làm thế nào có thể khiến cho sự tạp nhiễm chuyển? Làm thế nào có thể khiến cho sự thanh tịnh chuyển?

Nghĩa là đối với vô số sự gieo trồng gặt hái của thế gian, gắn liền với số lượng các thứ lúa hoa màu, các vật cần cho sự sống, với vô số danh, tướng ngôn thuyết hiện có. Đó là các thứ đại mạch, tiểu mạch, lúa, nếp, hạt mè, các loại đậu v.v... Tức những thứ ấy đối chiếu với vô số sự gieo trồng gặt hái kia là nhân Tùy thuyết.

Như nói về đại mạch mang đi, mang đến, hoặc xay sát hoặc vất bỏ. Các loại như vậy với vô số tùy chuyển. Như nói về đại mạch, thì các thứ còn lại như tiểu mạch v.v... nên biết cũng thế.

Quán đối về đói khát, suy kém, thân trụ nơi quán đối, yêu thích vị hiện có của đoạn thực, đối với việc ấy tìm cầu, nắm giữ, thọ dụng, tức nói các pháp kia là nhân Quán đãi. Do chúng đều riêng có chủng tử của chính mình, nên vô số sai biệt của sự gieo trồng gặt hái sanh ra, tức nói chủng tử kia là nhân Khiên dẫn này. Các duyên như đất, mưa v.v... có thể giúp cho hạt giống nảy mầm, gọi là nhân Nhiếp thọ. Tức chủng tử kia đối chiếu với mầm được sanh, gọi là nhân Sanh khởi. Mầm, cành, lá v.v... lần lượt nối tiếp nhau, đối chiếu với việc gieo trồng gặt hái kia hoặc thành hoặc chín, là nhân Dẫn phát. Từ hạt giống đại mạch sanh mầm đại mạch, lúa non đại mạch, không sanh ra loại khác. Như vậy, các thứ còn lại nên biết cũng thế. Tức nói các thứ kia là nhân Định biệt của thứ này. Tức hết thấy các thứ kia từ nhân Quán đãi đến nhân Định biệt cùng được gieo trồng gặt hái mà thành thực, gọi là nhân Đồng sự. Không phải sự gieo trồng gặt hái kia theo đây thiếu một nhân mà được thành thực. Vì vậy, tất cả hòa hợp gọi đây là nhân Đồng sự. Các pháp chướng ngại như sương muối, mưa đá v.v... đối với các thứ lúa cấy gieo tươi tốt kia, là nhân Tương vi. Chúng thiếu, không gây chướng ngại là nhân Bất tương vi của các thứ lúa gieo cấy tươi tốt kia.

Mười nhân như vậy, đối với vô số sự vật khác của thế gian, theo chỗ ứng hợp, nên biết, nói rộng như nơi luận Nhiếp cốc.

Lại, đối với tất cả tạp nhiễm, vô số danh, tướng, ngôn thuyết hiện có của duyên khởi, tức là vô minh, hành, thức, danh sắc, nói rộng cho đến lão tử sầu bi ưu khổ nhiễu loạn, tức các thứ này đối chiếu với các pháp tạp nhiễm kia, là nhân Tùy thuyết. Như nói vô minh duyên hành,

cho đến sanh duyên lão tử, vô số các loại như vậy theo đấy mà nói.

Yêu thích vị hiện có nơi cảnh giới quán đái, đối với các chi hữu lưu chuyển tương tục. Tức các sự việc kia đối chiếu với các pháp tạp nhiễm này là nhân Quán đái.

Các pháp như vô minh v.v... ở trong hiện pháp, hiện có đã sanh đã nuôi lớn chủng tử, nay chủng tử này đối chiếu với sanh, lão tử v.v... của đời khác, là nhân Khiên dẫn.

Gần gũi với tri thức bất thiện, nghe không phải Chánh pháp, tác ý phi lý, cùng trước đã thường xuyên hành tập dẫn khởi sức mạnh sanh vô minh v.v..., gọi là nhân Nhiếp thọ. Các pháp như vô minh v.v... đều có chủng tử riêng, gọi là nhân Sanh khởi. Chi vô minh kia cho đến chi hữu, lần lượt dẫn phát sự nối tiếp về sau, đối chiếu với sanh lão tử v.v... của đời khác là nhân Dẫn phát. Chi vô minh khác cùng với tự chủng tử, cho đến chi hữu, có thể sanh nơi Na-lạc-ca. Chi vô minh khác cùng với tự chủng tử, cho đến chi hữu, có thể sanh nơi các cõi Bằng sanh, Ngạ quỷ, Người, Trời, nên biết cũng thế. Tức các thứ ấy đối chiếu với các pháp tạp nhiễm kia, gọi là nhân Định biệt. Tức hết thấy các thứ kia, từ nhân Quán đái đến nhân Định biệt, gọi là nhân Đồng sự.

Nhân Tương vi của pháp tạp nhiễm này, tức là chủng tánh xuất thế gian đầy đủ, gặp Phật xuất hiện ở đời giảng nói Chánh pháp, gần gũi bậc thiện tri thức, được nghe Chánh pháp, tác ý như lý, pháp tùy pháp hành, cùng với tất cả pháp Bồ đề phần. Tức vô số pháp thiện như đã giảng nói, hoặc thiếu hoặc lìa, là nhân Bất tương vi của pháp tạp nhiễm. Mười nhân như vậy nên biết là có thể dấy khởi tất cả tạp nhiễm của hết thấy hữu tình.

Lại, đối với tất cả pháp phẩm thanh tịnh cùng Niết bàn vắng lặng, với vô số danh tướng ngôn thuyết hiện có, tức những thứ ấy đối chiếu với các pháp thanh tịnh kia, là nhân Tùy thuyết. Như nói niệm trụ, chánh đoạn, cho đến Tám Thánh đạo chi, vô minh diệt nên hành diệt, nói rộng cho đến sanh diệt nên lão tử diệt, vô số các loại như vậy theo đấy mà nói. Quán đối các hành có nhiều lỗi lầm nên vui cầu thanh tịnh, thâm nhận thanh tịnh, thành tựu đầy đủ thanh tịnh. Các thứ kia đối chiếu với đây, là nhân Quán đái.

Bổ-đặc-già-la an trụ chủng tánh, chủng tánh đầy đủ, có thể làm thượng thủ, chứng hai cảnh giới Niết bàn Hữu dư, Vô dư, các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Khiên dẫn.

Thân cận bậc thiện tri thức, lắng nghe Chánh pháp, tác ý như lý, cùng với chỗ tạo các căn ở trước đã thành thực, gọi là nhân Nhiếp thọ.

Chủng tử hiện có của tất cả pháp phần Bồ đề vô lậu thuộc về chủng tánh, đối chiếu với hết thảy pháp Bồ đề phần kia, là nhân Danh khởi. Tức tất cả pháp Bồ đề phần từ chủng tử sanh, thứ lớp có thể chứng hai cảnh giới Niết bàn Hữu dư và Vô dư, gọi là nhân Dẫn phát.

Chủng tánh Thanh văn, do thừa Thanh văn, có thể Bát Niết bàn.

Chủng tánh Độc giác, do thừa Độc giác, có thể Bát Niết bàn.

Chủng tánh Đại thừa, do thừa Vô thượng, có thể Bát Niết bàn.

Các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Định biệt. Nếu phẩm thanh tịnh nơi nhân Quán đái cho đến nhân Định biệt, các thứ kia đối chiếu với thanh tịnh là nhân Đồng sự.

Chủng tánh không đầy đủ, không gặp Phật xuất hiện ở đời, sanh các nơi chốn bị ràng buộc, không gần gũi bậc thiện tri thức, không lắng nghe Chánh pháp, không tác ý như lý, thường hành tập các hạnh tà, các thứ ấy đối chiếu với thanh tịnh, là nhân Tương vi. Nhân Tương vi này hoặc thiếu hoặc lia, đó gọi là nhân Bất tương vi của thanh tịnh. Nếu là các nhân Tương vi của phẩm tạp nhiễm, nên biết tức là nhân của pháp thanh tịnh. Nếu là các nhân Tương vi của phẩm thanh tịnh, nên biết tức là nhân của pháp tạp nhiễm.

Như vậy là hiện có mười nhân tạp nhiễm, mười nhân thanh tịnh. Quá khứ, vị lai từng có, sẽ có nhiễm, tịnh đều cũng như thế. Tất cả chỉ có mười nhân như vậy, từ chúng ra thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Ở trong tướng ấy, thế nào là quả? Nghĩa là lược có năm:

1. Quả Dị thực.
2. Quả Đăng lưu.
3. Quả Ly hệ.
4. Quả Sĩ dụng.
5. Quả Tăng thượng.

Các pháp bất thiện, nơi các cõi ác thọ nhận quả Dị thực. Pháp hữu lậu thiện, đối nơi các cõi thiện thọ nhận quả Dị thực. Đó gọi là quả Dị thực. Hành tập bất thiện, vui thích trụ nơi bất thiện, pháp bất thiện tăng. Tu tập thiện nên vui thích trụ nơi pháp thiện, pháp thiện tăng trưởng. Hoặc giống với nghiệp trước, quả sau theo đấy chuyển. Đó gọi là quả Đăng lưu. Tám chi Thánh đạo diệt trừ các phiền não, gọi là quả Ly hệ. Nếu các phàm phu dùng đạo thế tục dứt trừ các phiền não không rốt ráo, nên không phải là quả Ly hệ. Các hữu tình một loại, ở trong hiện pháp, nương dựa tùy theo xứ công xảo nghiệp, khởi qua sĩ dụng đó là làm nông, các sự việc mua bán, thư họa, toán số, bói đoán v.v... Do các

công việc gieo trồng gặt hái này thành tựu đầy đủ với quả như của cải lợi lộc, đó gọi là quả Sĩ dụng. Hoặc nhãn thức là quả Tăng trưởng của nhãn căn, cho đến ý thức là quả Tăng thượng của ý căn, thân phần của chúng sanh không tan hoại là quả Tăng thượng của mạng căn. Hai mươi hai căn mỗi mỗi căn đều có thể khởi quả Tăng thượng của chính mình, nên biết tất cả gọi là quả Tăng thượng.

Tác dụng tăng thượng của hai mươi hai căn, như nơi phần Nhiếp sự, nên biết về tướng. Bồ tát ở nơi Nội minh ấy hiển bày về tướng nhân quả đúng đắn, nhận biết đúng như thật rồi, siêng năng tinh tấn tu tập, khiến chủng tánh của trí lực xứ phi xứ dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng.

Thế nào là luận Nội minh đã được hiển bày rồi, tướng tạo tác không mất, chưa tạo tác thì không được? Nghĩa là các hữu tình tự tạo tác nghiệp, tuy đã tạo tác, nhưng trải qua nhiều trăm kiếp, cùng với công năng của quả trọn không hoại mất. Cũng không phải là không tạo tác, hoặc lại tạo tác khác mà có dị thực, hoặc quả dị thực. Bồ tát đối với Nội minh ấy đã được hiển bày chỉ rõ rồi, tạo tác không mất, chưa tạo tác thì chưa được tướng, nhận biết đúng như thật thì siêng năng tinh tấn tu tập, khiến cho chủng tánh của trí lực nơi tự nghiệp dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng.

Bồ tát cầu nghe Chánh pháp như thế nào? Nghĩa là các Bồ tát đối với trường hợp “khéo thuyết pháp” phải nên an trụ nơi sự yêu thích mãnh liệt để cầu nghe Chánh pháp. Như vậy là lược nói về tướng an trụ nơi sự yêu kính mãnh liệt. Tức các Bồ tát vì muốn được nghe một lần “khéo thuyết pháp”, giả sử nơi đường đi tới có lửa dữ đang cháy rực, đất là sắt nung nóng, không có phương tiện nào khác để có thể được nghe, tức liền phát khởi sự yêu kính mãnh liệt, hoan hỷ đi vào, huống chi là muốn được nghe nhiều về nghĩa khéo giảng nói.

Lại, các Bồ tát đối với tự thân phần, cùng đối với tất cả các vật dụng nuôi thân như các sự việc ăn uống v.v... luôn hiện có yêu kính. Đối với việc muốn được nghe các pháp khéo giảng nói với sự yêu kính hiện có, đem sự yêu kính trước so với sự yêu kính sau thì trong trăm phần không đạt được một, trong ngàn phần cũng không đạt được một. Trong số phần, trong toán phần, cho đến Ô-bi-sát-na đàm phần cũng không đạt được một. Bồ tát đối với pháp khéo giảng nói sanh khởi sự kính trọng sâu xa như thế, luôn vui thích lắng nghe các pháp khéo giảng nói, không có mệt mỏi, cũng không chán đủ. Sự tin tưởng thanh tịnh thuần hậu, tánh hòa nhã, tâm chánh trực, nhận thức chánh trực. Yêu kính đức,

yêu kính pháp, nên đi đến chỗ Pháp sư, không có tâm vấn nạn, có tâm kính trọng, không có tâm kiêu mạn. Chuyên vì cầu thiện nên không hiển bày đức của mình. Vì muốn an lập thiện căn cho mình và người, nên không tạo nhân duyên cung kính của lợi dưỡng. Bồ tát có đủ công đức như thế, nên đi đến trụ xứ của Pháp sư, tâm không có tạp nhiễm, tâm không có tán loạn để lắng nghe Chánh pháp.

Thế nào là Bồ tát tâm không có tạp nhiễm khi lắng nghe Chánh pháp? Nghĩa là khi nghe pháp, tâm của Bồ tát xa lìa tạp nhiễm về cao ngạo, tâm của Bồ tát xa lìa tạp nhiễm về khinh mạn, tâm của Bồ tát xa lìa tạp nhiễm về khiếp nhục. Do sáu thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về cao ngạo. Do bốn thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về khinh mạn. Do một thứ tướng nơi tâm nên xa lìa tạp nhiễm về khiếp nhục. Đó là lúc nghe pháp, đúng lúc mà nghe, ân cần mà nghe, cung kính mà nghe, không vì tổn hại, không vì thuận theo, không tìm lỗi lầm. Do sáu tướng này nên tâm xa lìa tạp nhiễm của cao ngạo.

Lại nữa, lúc nghe pháp, cung kính Chánh pháp, cung kính người nói pháp, không khinh thường Chánh pháp, không khinh thường người giảng nói pháp. Do bốn tướng ấy nên tâm xa lìa tạp nhiễm của khinh mạn.

Lại nữa, khi nghe pháp không tự khinh miệt. Do một tướng này nên tâm của Bồ tát xa lìa tạp nhiễm khiếp nhục.

Như thế là Bồ tát lắng nghe Chánh pháp tâm không có tạp nhiễm.

Thế nào là Bồ tát lắng nghe Chánh pháp tâm không tán loạn? Nghĩa là do năm tướng:

1. Lắng nghe Chánh pháp với tâm cầu hiểu, ngộ.
2. Lắng nghe Chánh pháp với tâm chuyên nhất hướng đến.
3. Lắng nghe Chánh pháp với các âm thanh luôn gắn liền nơi tai.
4. Lắng nghe Chánh pháp với tâm đã được tẩy rửa sạch.
5. Lắng nghe Chánh pháp với tâm thấu tóm tất cả.

Như thế là Bồ tát cầu nghe Chánh pháp. Bồ tát do đâu cầu nghe Chánh pháp? Nghĩa là các Bồ tát, lúc cầu đạt Nội minh, là vì nhằm tu tập đúng về pháp tùy pháp hành, vì nhằm mở bày chỉ rõ rộng về sự tỏ ngộ mau chóng nơi kẻ khác.

Nếu Bồ tát lúc cầu đạt Nhân minh, là vì muốn nhận biết rõ đúng như thật về chỗ tạo nhân luận của ngoại đạo là ngôn thuyết xấu ác. Vì muốn hàng phục các dị luận của kẻ khác. Vì muốn đối với Thánh giáo chân thật này, người chưa tin tưởng thanh tịnh thì khiến có được tin

tưởng thanh tịnh. Người đã có tin tưởng thanh tịnh thì khiến tăng trưởng bồi phần.

Hoặc các Bồ tát lúc cầu đạt Thanh minh, là vì khiến cho chúng sanh tin vui nơi điển ngữ, đối với thân Bồ tát sanh tin kính sâu xa. Vì muốn ngộ nhập nơi ngôn âm giải thích ý nghĩa với những câu văn sai biệt, ở trong một nghĩa có vô số phẩm loại âm thanh khác nhau theo đây mà nêu bày.

Hoặc các Bồ tát khi cầu đạt Y phương minh, là vì nhằm dứt trừ vô số bệnh tật của chúng sanh, vì muốn tạo lợi ích cho hết thảy đại chúng.

Hoặc các Bồ tát lúc cầu đạt các xứ trí công nghiệp của thế gian, vì thiếu công sức để tích tập nhiều của cải châu báu, vì muốn đem lại lợi ích cho các chúng sanh, vì nhằm phát khởi tưởng hy hữu kỳ lạ nơi các chúng sanh.

Bồ tát cầu đạt tất cả năm minh này, vì khiến cho đại trí là tư lương của đạo quả Chánh đẳng Bồ đề Vô thượng chóng được viên mãn, nên đối với tất cả minh xứ ấy thứ lớp tu học, có thể đạt được trí Nhất thiết trí không chướng ngại.

Như vậy là đã nói về chỗ nên cầu đạt chân chánh của tất cả Bồ tát, như thế mà cầu đạt, vì ý nghĩa ấy mà cầu đạt.

Bồ tát lúc vì người khác thuyết giảng Chánh pháp, nên thuyết giảng như thế nào? Vì sao mà thuyết giảng? Theo nghĩa gì nên thuyết giảng?

Đó là các Bồ tát chính ở chỗ nên cầu đạt tức là chỗ thuyết giảng. Vì cầu đạt nghĩa ấy, tức vì nghĩa này nên thuyết giảng cho kẻ khác. Dựa nơi hai thứ tướng nên vì kẻ khác nêu giảng:

1. Dựa vào sự tùy thuận thuyết giảng, nên vì người khác thuyết giảng.
2. Dựa vào sự thuyết giảng thanh tịnh, nên vì người khác thuyết giảng.

Thế nào là dựa vào sự tùy thuận thuyết giảng, nên vì người khác thuyết giảng? Nghĩa là các Bồ tát phải nên an trụ nơi uy nghi như pháp mà vì người khác thuyết giảng. Không phải là không an trụ nơi uy nghi như pháp. Không vì người ở nơi tòa cao, không bệnh mà thuyết giảng Chánh pháp. Không vì người ngồi, mình đứng mà thuyết giảng Chánh pháp. Không nên ở sau, vì người đi trước mà thuyết giảng Chánh pháp. Không vì người che trùm đầu mặt mà thuyết giảng Chánh pháp. Như nơi kinh Biệt Giải Thoát đã nói rộng, nên biết. Vì sao? Vì chư Phật, Bồ

tát luôn kính trọng pháp.

Lại, khi đối với Chánh pháp sanh tôn trọng, tức khiến cho kẻ khác đối với pháp khởi tôn quý tột bậc, cung kính lắng nghe, không dám khinh chê.

Lại vì tất cả, thuyết giảng tất cả pháp không gián đoạn.

Lại, đối với Chánh pháp không sanh tâm keo kiệt, tiếc lẫn, không tạo sự nắm giữ pháp của vị sư.

Lại, đối với Chánh pháp, theo như câu văn, thứ lớp mà nêu dẫn, như nơi câu văn, thứ lớp mà giải thích, như nơi câu văn, thứ lớp mà phân biệt về nghĩa.

Lại, nếu thâm dẫn nghĩa lợi nơi nghĩa pháp, nên nêu bày, nên giải thích, nên phân biệt rộng, chẳng phải là không thâm dẫn nghĩa lợi nơi nghĩa pháp.

Lại, nên thị hiện chỗ nên thị hiện. Lại, nên chỉ dạy, nên dẫn dắt chỗ cần chỉ dạy, dẫn dắt. Lại, nên khen ngợi, khuyến khích chỗ đáng khen ngợi, khuyến khích. Lại, nên vui mừng, an ủi nơi cần vui mừng, an ủi.

Lại, dựa nơi đạo lý của ba lượng là Hiện lượng, Tỷ lượng, Chí giáo lượng mà thuyết giảng Chánh pháp, không phải là không dựa nơi đạo lý của ba lượng ấy.

Lại, chỗ tuyên thuyết Chánh pháp thuận với việc đi đến cõi thiện.

Lại, chỗ tuyên thuyết Chánh pháp không loạn động, dễ đi vào mà không ảm kín.

Lại, chỗ tuyên thuyết Chánh pháp ứng hợp với Bốn Thánh đế.

Lại, ở nơi tất cả chúng, lúc thuyết giảng Chánh pháp, theo chỗ ứng hợp của tất cả chúng mà vì họ giảng nói.

Bồ tát dựa vào mười lăm thứ tướng ấy, các chỗ tùy thuận thuyết giảng, vì lợi tha khắp nên thuyết giảng như thế.

Thế nào là dựa vào sự thuyết giảng thanh tịnh, nên vì người khác thuyết giảng? Nghĩa là các Bồ tát, đối với các loài hữu tình, bản thân có oán đối, nên trụ nơi tâm Từ, vì họ thuyết giảng Chánh pháp. Đối với các loài hữu tình hành theo hạnh ác, thì trụ nơi tâm tạo lợi ích, vì họ thuyết giảng Chánh pháp. Đối với các hữu tình có vui có khổ, buồn lung thấp kém, Bồ tát phải nên an trụ nơi tâm thương xót, tạo lợi ích an lạc, vì họ giảng nói Chánh pháp. Không do ganh ghét trối buộc với sức tăng thượng để tự khen ngợi mình, chê bai kẻ khác. Do tâm không nhiễm nên không mong cầu lợi ích được tán dương, cung kính để vì người khác

thuyết pháp.

Bồ tát dựa vào năm thứ tướng ấy, nên các sự thuyết giảng thanh tịnh đều vì lợi tha khắp, nên thuyết giảng như thế.

Như vậy, Bồ tát thuyết giảng Chánh pháp, về tướng có hai mươi thứ:

1. Do thời. 2. Trọng pháp. 3. Thứ lớp. 4. Tương tục. 5. Tùy thuận. 6. Hoan hỷ. 7. Yêu thích. 8. Vui thú. 9. Dũng mãnh. 10. Không xua đuổi. 11. Hợp lý. 12. Xứng thuận. 13. Không loạn. 14. Như pháp. 15. Thuận chúng. 16. Tâm Từ. 17. Tâm lợi ích. 18. Tâm thương xót. 19. Không tự khen, chê bai kẻ khác. 20. Không dựa vào lợi dưỡng, cung kính tán dương.

Như vậy là Bồ tát nên luôn vì người khác tuyên thuyết Chánh pháp.

Thế nào là pháp tùy pháp hành của Bồ tát? Nên biết hành này lược có năm thứ: nghĩa là như chỗ cầu, như chỗ thọ nhận pháp, ba nghiệp thân ngữ ý tùy chuyển thuận hợp, tư duy đúng, tu tập đúng. Nếu Đức Phật Thế Tôn đối với các pháp kia đã chế định thân ngữ ý khiến không tạo tác, thì đối với các pháp ấy mở bày nơi thân ngữ ý khiến được tạo tác. Tức ở trong hai thứ pháp như thế, ba nghiệp thân ngữ ý xa lìa thuận hợp, tu chứng không điên đảo. Đó gọi là Bồ tát ở trong các pháp, ba nghiệp thân ngữ ý tùy chuyển thuận hợp nơi pháp tùy pháp hành.

Thế nào là Bồ tát đối với pháp tư duy? Nghĩa là các Bồ tát ở riêng nơi chốn tĩnh lặng, tùy theo pháp đã được nghe, vui muốn tư duy, vui muốn nêu xét, vui muốn quan sát. Trước hết nên xa lìa xứ không nghĩ bàn, tư duy về pháp kia, thường xuyên tư duy, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân cần, không chậm trễ. Các Bồ tát này, lúc tinh tấn dũng mãnh tư duy về pháp, thì nơi phần ít này, dùng lý quán xét, theo đây mà ngộ nhập. Còn phần ít kia thì chỉ tin hiểu sâu xa. Phàm chỗ tư duy, chỉ nên dựa nơi nghĩa, không dựa vào văn. Nhận biết rõ đúng như thật về “Hắc thuyết, Đại thuyết”, chính thức có thể ngộ nhập nơi tư duy đầu tiên. Đã ngộ nhập rồi thì thường xuyên tác ý khiến được kiên cố. Các Bồ tát này, do có thể xa lìa điều không nên tư duy mà tư duy, nên tâm không rơi vào mê muội, lẫn lộn. Do có thể thường xuyên gia hạnh ân cần không gián đoạn, không trì hoãn mà tư duy, nên nghĩa trước chưa biết thì được nhận biết rõ đúng đắn, được quyết định đúng đắn. Trước đã nhận biết về nghĩa đạt được không hoại mất, đạt được không quên mất. Do nơi phần ít dùng lý để quán xét, theo đây mà ngộ nhập. Ở trong chỗ tùy theo chánh lý quán xét pháp, không do duyên khác. Vì

đối với phần ít chỉ tin hiểu, nên ở chỗ hết sức thâm diệu, tự thiếu huệ giác tức không thể thấu đạt pháp. Ngưỡng mong Đức Như-lai nói rõ pháp như vậy là nẻo hành hóa của Phật, không phải là cảnh giới của mình. Như thế là đối pháp không sanh phỉ báng, không tự tổn hại, xa lìa suy lo, không có các tội lỗi. Do các Bồ tát khi tư duy về pháp, chỉ được nơi nghĩa, không dựa vào văn, nên đối với tất cả ngôn ngữ mật ý được nêu giảng của Đức Thế Tôn, có thể theo đấy mà ngộ nhập. Do các Bồ tát đối khắp tất cả “Hắc thuyết, Đại thuyết” đều được thiện xảo nên đối với nghĩa chân thật không vật không pháp có thể làm khuynh động. Các Bồ tát ấy, chính thức có thể ngộ nhập tư duy đầu tiên, nên có thể đạt được pháp nhãn mà trước nay chưa đạt được.

Các Bồ tát này, do ở đây đã đạt được nhãn nên thường xuyên tác ý khiến được bền chắc, nên có thể đối với nhãn tu tập tùy thuận, hưởng nhập. Bồ tát do tám thứ tướng ấy nên có thể tu tập đúng đắn, tư duy đúng đắn, gồm thâm pháp tùy pháp hành.

Thế nào là Bồ tát đối với pháp tu tập đúng đắn? Nên biết sự tu tập ấy lược có bốn tướng:

1. Xa-ma-tha (Chỉ).
2. Tỳ-bát-xá-na (Quán).
3. Tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.
4. Vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là Xa-ma-tha? Tức là các Bồ tát do tám thứ tư duy khéo nương giữ, nên ở trong cảnh giới của đối tượng duyên lìa ngôn thuyết chỉ là sự chỉ là nghĩa, hoặc tâm khiến trụ, lìa các hý luận, lìa tác ý của tướng nhiễu loạn tâm, nên ở nơi các đối tượng duyên tạo được thắng giải, nơi tướng của các định khiến tâm trụ vào bên trong, an trụ. Nói rộng cho đến toàn bộ hưởng tới đẳng trì. Đó gọi là Xa-ma-tha.

Thế nào là Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là các Bồ tát, do Xa-ma-tha huân tập tác ý, tức đối với pháp, như đã tư duy ở trước, tư duy về tướng, xét chọn như lý, xét chọn tốt cùng, xét chọn pháp hết mực, nói rộng cho đến nhận biết rõ hành của Minh huệ. Đó gọi là Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Đó là các Bồ tát đối với Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, gia hạnh không gián đoạn, gia hạnh ân cần, thường luôn tu tập. Đó gọi là tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Thế nào là vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na? Nghĩa là các Bồ tát, tức ở trong tướng của Chỉ, Quán như thế, tâm không động, ở chỗ không dụng công, lìa các gia hạnh, tự nhiên theo xứ chuyển, thâm nhận không lẫn lộn. Đó gọi là vui thích tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Nên biết trong ấy, các Bồ tát này, như như tu tập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy vui trụ nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Như như vui trụ nơi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na, như vậy như vậy Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh. Như như Xa-ma-tha thanh tịnh, như vậy như vậy thân an tâm an tăng trưởng rộng lớn. Như như Tỳ-bát-xá-na thanh tịnh, như vậy như vậy hoặc trí hoặc kiến tăng trưởng rộng lớn. Ngang bằng với đây gọi là tu tập chỗ nên tạo tác. Nghĩa là ở trong chỗ dựa, nên trừ bỏ mọi thô trọng, cùng đối với tất cả chỗ nhận biết, nên tu trí kiến thanh tịnh. Như vậy, hết thấy chỗ tạo nghiệp của tu tập, Bồ tát do bốn thứ tướng tu trước, đều có thể thành tựu đầy đủ.

Thế nào là chỉ dạy, trao truyền? Nên biết, sự chỉ dạy, trao truyền lược có tám thứ. Nghĩa là các Bồ tát hoặc dùng Tam-ma-địa làm chỗ nương dựa. Hoặc nơi thời gian dài cùng với pháp kia an trụ. Đối nơi trường hợp kia, từ bi nhằm để chỉ dạy, trao truyền. Hoặc do các chúng Bồ tát còn lại. Hoặc do Như-lai tạo việc chỉ dạy, trao truyền. Nơi lúc chỉ dạy, trao truyền, trước nên xét kỹ về tầm tư nơi tâm. Nhận biết rõ đúng như thật về tầm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về tâm rồi, tầm tư về căn. Nhận biết rõ đúng như thật về tầm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về căn rồi, tầm tư về ý lạc. Nhận biết rõ đúng như thật về tầm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về ý lạc rồi, tầm tư về tùy miên. Nhận biết rõ đúng như thật về tầm tư. Nhận biết rõ đúng như thật về tùy miên rồi, theo chỗ ứng hợp, thích nghi, thị hiện vô số môn hưởng nhập, khiến tất cả đều hưởng nhập. Nghĩa là hoặc tu Quán bất tịnh, hoặc lại tu Từ, hoặc tu vô số duyên tánh duyên khởi, hoặc tu Giới sai biệt, hoặc tu Quán số tức. Theo như chỗ ứng hợp, thích nghi, thị hiện vô số môn hưởng nhập khiến đều được hưởng nhập rồi, vì họ nêu giảng về hành có thể đối trị trong xứ tà chấp thường biên, vì họ nêu giảng về hành có thể đối trị trong xứ tà chấp đoạn biên. Khiến họ trừ bỏ các tăng thượng mạn như việc chưa tạo tác cho là tạo tác, chưa đạt được cho là đã được, chưa tiếp xúc cho là đã tiếp xúc, chưa chứng đắc cho là đã chứng đắc.

Tám thứ chỉ dạy, trao truyền của Bồ tát như vậy nên biết là lược nói về chỗ gồm thấu của ba xứ. Thế nào là ba xứ? Đó là:

1. Người tâm chưa trụ: thì khiến họ trụ, khiến họ ở nơi đối tượng duyên giữ lấy niệm không điên đảo.
2. Người tâm đã trụ: thì khiến họ đạt được nghĩa lợi của chính mình. Vì họ tuyên thuyết nẻo phương tiện chân chánh.
3. Đối với người tự tạo tác, chưa rõ ráo: khiến họ lìa bỏ trở ngại hiện có nơi trung gian. Nếu nhận biết về tâm, căn, ý lạc, tùy miên

của người ấy rồi, theo như chỗ ứng hợp, thích nghi, thị hiện vô số môn hưởng nhập khiến họ hưởng nhập.

Nên biết đó gọi là đối với người tâm chưa trụ khiến họ trụ, khiến họ ở nơi đối tượng duyên giữ lấy niệm không điên đảo. Hoặc vì họ tuyên thuyết hành có thể đối trị trong xứ tà chấp hai biên đoạn, thường. Nên biết đó gọi là đối với kẻ tâm đã trụ, khiến họ đạt được nghĩa lợi của chính mình, vì họ nêu bày nẻo phương tiện chân chánh. Hoặc khiến họ trừ bỏ các tăng thượng mạn, chưa tạo tác cho là đã tạo tác, nói rộng cho đến chưa chứng đắc cho là đã chứng đắc. Nên biết đó gọi là đối với người đã tự tạo tác nhưng chưa rốt ráo, thì khiến họ lìa bỏ những trở ngại hiện có nơi trung gian.

Ba xứ như vậy nên biết là có thể thấu tóm tám thứ chỉ dạy, trao truyền. Như thế là Bồ tát hoặc do từ nơi người khác mà được sự chỉ dạy, trao truyền chân chánh. Hoặc do ban cho kẻ khác sự chỉ dạy, trao truyền thuận hợp, nên có thể khiến cho chủng tánh của tám lực còn lại dần được thanh tịnh, dần được tăng trưởng. Đó là:

- Chủng tánh của Trí lực nơi đẳng trì đẳng chí Tĩnh lực giải thoát.
- Chủng tánh của Trí lực nơi các căn hơn kém.
- Chủng tánh của Trí lực nơi vô số thắng giải.
- Chủng tánh của Trí lực nơi Hành hưởng đến khắp.
- Chủng tánh của Trí lực nơi Túc trụ tùy niệm.
- Chủng tánh của Trí lực nơi sanh tử.
- Chủng tánh của Trí lực nơi lậu tận.

Thế nào là dạy khuyên? Nên biết việc dạy khuyên lược có năm thứ:

1. Ngăn chặn có tội hiện hành.
2. Mở thuận vô tội hiện hành.
3. Nếu có trường hợp ở trong pháp ngăn chặn, mở thuận vừa hành phạm, thì như pháp can gián, chỉ dạy.
4. Hoặc có trường hợp ở trong pháp kia luôn khinh mạn mà hủy phạm, thì dùng ý lạc thân thiện, không nhiễm dục, không đối khác, đúng như pháp quở trách, đuổi đi, cùng tạo sự nhớ nghĩ.
5. Hoặc có trường hợp ở trong pháp được ngăn chặn, mở thuận có thể hành trì đúng đắn, thì dùng tâm từ ái khen ngợi công đức chân thật, khiến họ hoan hỷ.

Nên biết đó gọi là lược nói về năm thứ dạy khuyên của Bồ tát. Đó là: Ngăn chặn, Mở bày chấp thuận, Can gián dẫn dạy, Quở trách đuổi đi, Vui mừng an ủi.

Thế nào là Bồ tát dùng phương tiện để thâu tóm ba nghiệp thân ngữ ý? Nên biết là lược nói Bồ tát hiện có bốn thứ nhiếp sự, đó gọi là phương tiện. Như Đức Thế Tôn nói: Bồ tát thành tựu bốn thứ nhiếp sự thâu tóm phương tiện mới gọi là Bồ tát.

Lại do nhân duyên gì, chỉ bốn nhiếp sự này được gọi là phương tiện? Nghĩa là các Bồ tát lược do nhiếp sự như thế gồm thâu bốn thứ phương tiện, nên đối với các hữu tình có thể thâu nhận, điều phục, thành thực khắp. Ngoại trừ chúng thì không có gì hoặc vượt hơn hoặc tăng thêm.

Những gì gọi là bốn thứ phương tiện? Đó là:

1. Phương tiện tùy thân.
2. Phương tiện có thể thâu tóm.
3. Phương tiện khiến nhập.
4. Phương tiện tùy chuyển.

Nếu các Bồ tát trước hành bố thí, nên biết đó gọi là phương tiện tùy thân. Vì sao? Vì trước dùng các thứ của cải vật dụng bố thí tạo lợi ích cho chúng sanh, vì nhằm khiến họ nghe nhận phụng hành giáo pháp được nêu giảng.

Nếu các Bồ tát tiếp theo hành ái ngữ, nơi xứ xứ kia có kẻ ngu si, vì nhằm trừ bỏ chỗ ngu tối hiện có của kẻ ấy khiến dứt sạch hoàn toàn, cùng khiến kẻ ấy thâu nhận chánh lý để xem xét. Ái ngữ như vậy, nên biết gọi là phương tiện có thể thâu tóm.

Hoặc các Bồ tát nhận biết hữu tình kia thâu nhận xem xét đạo lý chân chánh rồi, tiếp đến là hành lợi hành để đưa hữu tình ấy ra khỏi xứ bất thiện, đối với xứ thiện kia khuyên dẫn, điều phục, kiến lập là chốn an ổn. Lợi hành như vậy nên biết gọi là phương tiện khiến nhập.

Hoặc các Bồ tát với phương tiện như thế khiến các hữu tình được hưởng nhập rồi, sau rốt cùng với sự nghiệp chánh đáng kia đồng cùng tu tập khiến họ tùy chuyển. Do nhân duyên ấy khiến cho người được hóa độ kia không thể nói lời này:

“Ông tự mình không có tin tưởng thanh tịnh viên mãn, không có thi la viên mãn, không có thí xả viên mãn, không có trí huệ viên mãn, thì dựa vào điều thiện nào để khuyến khích, dẫn dắt kẻ khác, can gián, chỉ dạy, quở trách, đuổi đi cùng tạo nhớ nghĩa? Vì thế, Bồ tát hành trì nhiếp sự thứ tư là đồng sự, nên biết đó gọi là phương tiện tùy chuyển.

Bốn thứ phương tiện của Bồ tát như vậy hoặc chung hoặc riêng đã thâu tóm ba nghiệp thân ngữ ý. Đó gọi là phương tiện thâu tóm ba nghiệp nơi các hữu tình, có thể thâu nhận, điều phục, thành thực đúng đắn.

